

ÔN THI HK1 HÓA 8 - PHẦN 2.

- Câu 1:** Mỗi chất có những tính chất nhất định. Điều này đúng với loại chất gì?
- A. Chất tinh khiết.
 - B. Đơn chất và hợp chất.
 - C. Với mọi chất.
 - D. Chất trong hỗn hợp.
- Câu 2:** Chọn đáp án sai
- A. Khối lượng của hạt nhân được coi là khối lượng của nguyên tử.
 - B. Số p = số e.
 - C. Hạt nhân tạo bởi proton và notron.
 - D. Oxi có số p khác số e.
- Câu 3:** Vì sao khối lượng nguyên tử được coi bằng khối lượng hạt nhân. Chọn đáp án đúng
- A. Do proton và notron có cùng khối lượng còn electron có khối lượng rất bé.
 - B. Do số p = số e.
 - C. Do hạt nhân tạo bởi proton và notron.
 - D. Do notron không mang điện.
- Câu 4:** Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24. Nguyên tử nào nặng hơn
- A. Mg nặng hơn O.
 - B. Mg nhẹ hơn O.
 - C. O bằng Mg.
 - D. Tất cả đáp án trên.
- Câu 5:** Trong các chất sau hãy cho biết dãy nào chỉ gồm toàn đơn chất?
- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, NO, C, S.
 - B. Mg, K, S, C, N_2 .
 - C. Fe, NO_2 , H_2O .
 - D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, KCl, HCl.
- Câu 6:** Trong số các công thức hóa học sau: O_2 , N_2 , Al, Al_2O_3 , H_2 , AlCl_3 , H_2O , P. Số đơn chất là
- A. 4.
 - B. 3.
 - C. 5.
 - D. 6.
- Câu 7:** Để trở thành phân tử của hợp chất thì tối thiểu cần phải có bao nhiêu loại nguyên tử liên kết với nhau:
- A. một loại nguyên tử.
 - B. hai loại nguyên tử.
 - C. ba loại nguyên tử.
 - D. bốn loại nguyên tử.
- Câu 8:** Phân tử khối của CH_4 là:
- A. 16 đvC.
 - B. 74,5 đvC.
 - C. 17 đvC.
 - D. 58 đvC.

- Câu 9:** Một chất có phân tử gồm 2 nguyên tử nguyên tố X liên kết với 1 nguyên tử oxi và nặng hơn khí hidro 31 lần. Xác định X.
- A. C.
 - B. Na.
 - C. N.
 - D. Ni.
- Câu 10:** Ý nghĩa của công thức hóa học cho biết
- A. Nguyên tố nào tạo ra chất.
 - B. Phân tử khối của chất.
 - C. Số nguyên tử mỗi nguyên tố có trong 1 phân tử của chất.
 - D. Tất cả đáp án.
- Câu 11:** Từ công thức hóa học của CuSO_4 có thể suy ra được những gì
- A. CuSO_4 do 3 nguyên tố Cu, O, S tạo nên.
 - B. Có 3 nguyên tử oxi trong phân tử.
 - C. Phân tử khối là 96 đvC.
 - D. Tất cả đáp án.
- Câu 12:** Viết CTHH và tính phân tử khối của hợp chất có 1 nguyên tử Na, 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử oxi trong phân tử
- A. NaNO_3 , phân tử khối là 85.
 - B. NaNO_3 , phân tử khối là 86.
 - C. Không có hợp chất thỏa mãn.
 - D. NaNO_3 , phân tử khối là 100.
- Câu 13:** $3\text{H}_2\text{O}$ nghĩa là như thế nào
- A. 3 phân tử nước.
 - B. Có 3 nguyên tố nước trong hợp chất.
 - C. 3 nguyên tố oxi.
 - D. Tất cả đều sai.
- Câu 14:** Công thức nào sau đây đúng?
- A. AlO .
 - B. Al_2O .
 - C. Al_2O_3 .
 - D. Al_3O .
- Câu 15:** Chọn đáp án đúng
- A. Công thức hóa học của đồng là Cu.
 - B. 3 phân tử oxi là O_3 .
 - C. CaCO_3 do 2 nguyên tố Canxi, 1 nguyên tố oxi tạo thành.
 - D. Tất cả đáp án trên.
- Câu 16:** Cho hóa trị của S là IV, chọn CTHH đúng trong các CTHH sau:
- A. SO_2 .
 - B. S_2O_3 .
 - C. S_2O_2 .
 - D. SO_3 .
- Câu 17:** Cho các hợp chất sau SO_3 , N_2O_5 hoá trị của S và N trong các hợp chất trên lần lượt là:
- A. VI và V.

- B. I và V.
- C. VI và II.
- D. IV và III.

Câu 18: Lập công thức hoá học của các hợp chất biết P(V) và O

- A. P_2O_5 .
- B. P_2O_3 .
- C. P_2O_4 .
- D. PO_4 .

Câu 19: Cặp chất nào dưới đây có cùng phân tử khối?

- A. N_2 và CH_4 .
- B. C_2H_4 và N_2 .
- C. CO_2 và C_2H_6 .
- D. CO và C_2H_2 .

Câu 20: chất $Al_x(OH)_3$ biết Al hóa trị III. Tìm giá trị của x.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

HẾT